

Số : /UBND-NV

Cửa Lò, ngày tháng 11 năm 2022

Về việc đánh giá, chấm điểm,
xếp loại thi đua năm 2022

Kính gửi:

- Các phòng, ban cơ quan UBND thị xã;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã;
- UBND các phường.

Thực hiện Quyết định 21/2020/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định xếp loại thi đua hàng năm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

UBND thị xã đề nghị các phòng, ban, ngành, cơ quan, UBND các phường, xã tự đánh giá, xếp loại thi đua của đơn vị, đồng thời chấm điểm thi đua chéo cho các đơn vị như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

Việc tự đánh giá, xếp loại và chấm điểm chéo phải được thực hiện công khai, dân chủ và đúng quy trình, đảm bảo tính khách quan, trung thực để đánh giá đúng công tác thi đua khen thưởng năm 2022.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Các phòng, ban, ngành thị xã và các phường, xã căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá xếp loại đơn vị, địa phương mình theo hệ thống thang điểm quy định này.

1. Tự đánh giá:

- Bảng tiêu chí tự đánh giá, xếp loại thi đua của các phòng, ban, ngành (*Theo mẫu phụ lục I gửi kèm*)
- Bảng tiêu chí tự đánh giá, xếp loại thi đua của các xã, phường. (*Theo mẫu phụ lục II gửi kèm*)

2. Chấm điểm, xếp loại thi đua chéo

- Các phường, xã chấm điểm chéo cho các phòng, ban, ngành thị xã (*Theo mẫu phụ lục III gửi kèm*)
- Các phòng, ban, ngành thị xã chấm điểm chéo cho các phường, xã. (*Theo mẫu phụ lục IV gửi kèm*)
- Các đơn vị sự nghiệp chấm điểm chéo cho các phòng ban, phường xã. (*Theo mẫu phụ lục V gửi kèm*)

3. Cách tính điểm

- Thang điểm tối đa cho hệ thống tiêu chí tự chấm điểm và chấm chéo là 100 điểm, trong đó có 10 điểm thưởng và điểm trừ.
- Điểm thưởng và cách tính điểm

- Điểm thưởng do vượt kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu được giao và thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực phụ trách: Các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch nếu hoàn thành 100% là đạt điểm chuẩn, cứ vượt 1% được cộng thêm 01 điểm nhưng tổng số điểm thưởng không vượt quá 10% so với điểm chuẩn của nhóm tiêu chí đó.

- Thưởng điểm mới, nổi bật, sáng tạo: được cộng thêm 01 đến 05 điểm.

- Tổng điểm thưởng quy định không vượt quá 10 điểm

c. Điểm trừ và cách tính điểm

- Các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch, cứ giảm 1% so với chỉ tiêu kế hoạch bị trừ 01 điểm nhưng tổng số điểm trừ không vượt quá 10% so với điểm chuẩn của nhóm tiêu chí đó.

- Trong năm xếp loại, đơn vị, nếu Thủ trưởng đơn vị có đơn thư, khiếu nại tố cáo hoặc có vấn đề nổi cộm được cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm, tùy vào mức độ sẽ bị trừ từ 1 đến 10 điểm, hoặc hạ một bậc xếp loại.

- Đơn vị vi phạm các quy định về công tác TĐKT bị trừ 1 đến 02 điểm.

4. Cách xếp loại

Xếp loại chất lượng gồm 05 loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 90 điểm trở lên

Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 80 đến dưới 90 điểm

Hoàn thành nhiệm vụ: 70 đến dưới 80 điểm

Không hoàn thành nhiệm vụ: đạt dưới 70 điểm

Số lượng các đơn vị đạt loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không vượt quá 20% tổng số các đơn vị được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ theo từng lĩnh vực phụ trách.

Lưu ý: Chấm điểm chéo cho các phòng, ban, đơn vị xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không vượt quá 20% trên tổng số đơn vị được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Đề nghị các phòng ban, đơn vị, các xã, phường gửi bảng tự xếp loại, đánh giá và bảng chấm chéo về UBND thị xã (qua phòng Nội vụ) **trước ngày 30/11/2022./.**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Chủ tịch UBND thị xã;
- Lưu: VT, NV

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Doãn Tiến Dũng

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA
CỦA CÁC PHÒNG, BAN, NGÀNH CẤP THỊ XÃ

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
I	Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao		45	
1	Tham mưu kịp thời, chất lượng có hiệu quả cho Thị uỷ, HĐND thị, UBND thị xã ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành.		20	
2	Thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ do Thị uỷ, HĐND thị xã, UBND thị xã giao		15	
3	Xây dựng và thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch công tác năm		10	
II	Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước		35	
1	Thực hiện công tác cải cách hành chính		10	
2	Tổ chức quán triệt và thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.		6	
3	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và các văn bản liên quan.		5	
4	Triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, chương trình của các Sở, ban, ngành		4	
5	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh giản biên chế và công tác cán bộ		3	
6	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		3	
7	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân; giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân		2	
8	Công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng		2	
III	Tổ chức triển khai và thực hiện tốt phong trào thi đua		5	
1	Các phong trào thi đua điển hình của từng đơn vị		3	

2	Thực hiện các phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	
IV	Tổ chức, triển khai thực hiện tốt công tác TĐKT		5	
1	Thực hiện tốt Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh về công tác Thi đua, Khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực tốt chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
V	Điểm thưởng, điểm trừ		≤ 10	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	Tổng cộng:		100	
*	Tự nhận loại:			

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC II
BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA
CỦA CÁC XÃ, PHƯỜNG

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
I	Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao		55	
1	Tốc độ tăng giá trị sản xuất, trong đó:	Nêu giá trị và % đạt được so với KH	9	
a)	Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp	Nêu giá trị và % đạt được so với KH	3	
b)	Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng	Nêu giá trị và % đạt được so với KH	3	
c)	Thương mại - dịch vụ - du lịch	Nêu giá trị và % đạt được so với KH	3	
2	Thu ngân sách	Nêu giá trị và % đạt được so với KH	5	
3	- Bình quân đầu người/năm	Nêu kq? So sánh năm trước	3	
4	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới)	Tỷ lệ giảm được %	6	
5	Lao động và xã hội		5	
a)	Số lao động được giải quyết việc làm,	Số lượng, tỷ lệ đạt so với KH	3	
b)	Chăm lo gia đình chính sách, người có công và thực hiện chính sách xã hội		2	
6	Giáo dục và đào tạo		7	
a)	Huy động trẻ em dưới 5 tuổi vào mầm non	Đạt % so với KH	2	
b)	Huy động trẻ em dưới tuổi vào lớp 1	Đạt % so với KH	2	
c)	Số trường chuẩn Quốc Gia	Số lượng, đạt % so KH	3	
7	Y tế		6	
a)	Giảm tỷ suất sinh	Thực hiện/KH?	2	
b)	Tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên	Thực hiện/KH?	2	
c)	Giảm Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	Thực hiện/KH?	2	
8	Văn hóa		5	

a)	Tỷ lệ gia đình, khối phố, làng bản đạt VH	Đạt % so với KH	3	
b)	Tỷ lệ xã, phường có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn quốc gia	Đạt % so với KH	2	
9	Quốc phòng - An ninh		5	
10	Thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới		4	
II	Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước		25	
1	Tổ chức quán triệt và thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước		5	
2	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về " Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và các văn bản liên quan.		5	
3	Thực hiện công tác cải cách hành chính		5	
4	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		3	
5	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		3	
6	Giải quyết tốt đơn thư KNTC của CD, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân		2	
7	Công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng		2	
III	Tổ chức triển khai và thực hiện tốt phong trào thi đua		5	
1	Có phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện tốt phong trào thi đua gắn với việc " Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"		2	
IV	Tổ chức, triển khai thực hiện tốt công tác TĐKH		5	
1	Thực hiện tốt Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện tốt chế độ báo cáo, quy trình,		1	

	thủ tục, hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định			
V	Điểm thưởng, điểm trừ, điểm ưu tiên		≤ 10	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	Tổng cộng:		100	
*	Tự nhận loại:			

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
(Dùng cho các phường đánh giá)

TT	Tên đơn vị	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ			
		Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	Không hoàn thành
I	PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN				
1	Văn phòng HĐND - UBND				
2	Phòng Nội vụ				
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch				
4	Phòng Tư pháp				
5	Phòng Kinh tế				
6	Phòng Lao động - TBXH				
7	Phòng Văn hoá và Thông tin				
8	Thanh tra Thị xã				
9	Phòng Quản lý đô thị				
10	Phòng Tài nguyên - Môi trường				
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
12	Phòng Y tế				
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP				
1	Ban quản lý các Dự án ĐT XD				
2	Đội quản lý trật tự đô thị				
3	Ban quản lý đô thị				
4	Ban Quản lý nghĩa trang				
5	Trung tâm Văn hóa, TT & TT				
6	Trung tâm CH và PCTT thị xã				
7	Trung tâm phát triển quỹ đất				
8	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp				

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các phường chấm chéo cho các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp tỷ lệ Xuất sắc không quá 20% trên mỗi khối thi đưa

PHỤ LỤC IV

TÊN ĐƠN VỊ.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP, CÁC PHƯỜNG
(Dùng cho các phòng chuyên môn đánh giá)

TT	Tên đơn vị	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ			
		Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	Không hoàn thành
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP				
1	Ban quản lý các Dự án ĐTXD				
2	Đội quản lý trật tự đô thị				
3	Ban quản lý đô thị				
4	Ban Quản lý nghĩa trang				
5	Trung tâm Văn hoá, TT & TT				
6	Trung tâm Cứu hộ và PCTT Thị xã				
7	Trung tâm phát triển quỹ đất				
8	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp				
II	UBND CÁC PHƯỜNG				
1	Phường Nghi Hương				
2	Phường Nghi Thu				
3	Phường Nghi Tân				
4	Phường Nghi Thủy				
5	Phường Thu Thủy				
6	Phường Nghi Hải				
7	Phường Nghi Hoà				

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các Phòng chuyên môn chấm chéo cho các phường, các đơn vị sự nghiệp, tỷ lệ Xuất sắc không quá 20% trên mỗi khối thi đua

PHỤ LỤC V

TÊN ĐƠN VỊ.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, CÁC PHƯỜNG
(Dùng cho các đơn vị sự nghiệp đánh giá)

TT	Tên đơn vị	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ			
		Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	Không hoàn thành
I	CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN				
1	Văn phòng HĐND – UBND				
2	Phòng Nội vụ				
3	Phòng Tài chính – Kế hoạch				
4	Phòng Tư pháp				
5	Phòng Kinh tế				
6	Phòng Lao động – TBXH				
7	Phòng Văn hoá và Thông tin				
8	Thanh tra Thị xã				
9	Phòng Quản lý đô thị				
10	Phòng Tài nguyên – Môi trường				
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo				
12	Phòng Y tế				
II	UBND CÁC PHƯỜNG				
1	Phường Nghi Hương				
2	Phường Nghi Thu				
3	Phường Nghi Tân				
4	Phường Nghi Thuỷ				
5	Phường Thu Thuỷ				
6	Phường Nghi Hải				
7	Phường Nghi Hoà				

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú: chấm chéo cho các phòng chuyên môn, các phường,
tỷ lệ Xuất sắc không quá 20% trên mỗi khối thi đưa*